TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG TRIỀU
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/DS-ST
Ngày: 25-4-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG TRIỀU TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bẩy và ông Trần Hữu Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Duyên là Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025 tại Phòng xử án Tòa án Nhân dân thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-DS, ngày 08/4/2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: chị Lại Thị Hải V sinh năm 1985, nơi thường trú khu Y, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

* Bị đơn: anh Phạm Quyết Đ sinh năm 1979, nơi thường trú khu Y, phường T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh A Lê Minh H sinh năm 1974, nơi thường trú khu Y, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, nội dung bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Do có quen biết từ trước nên chị Lại Thị Hải V cho anh Phạm Quyết Đ vay số tiền 60.000.000^{đ} (sáu mươi triệu đồng) cụ thể: ngày 30/5/2023 chị V cho anh Đ vay số tiền 30.000.000^{đ} (ba mươi triệu đồng), hai bên lập giấy vay mượn tiền tại nhà chị V khu Y, phường Đ, thành phố Đ có nội dung "anh Phạm Quyết Đ sinh năm 1979, nơi thường trú khu A, phường T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh vay của chị Lại Thị Hải V và anh Lê Minh H cùng trú tại khu Y, phường Đ, thành phố Đ số tiền 30.000.000^{đ} (ba mươi triệu đồng), lãi suất 3%/tháng và thỏa thuận chậm nhất ngày 30/8/2023 anh Đ trả đầy đủ tiền gốc và lãi cho anh H, chị V; ngày 26/8/2023 anh Đ vay của chị V số tiền 20.000.000^{đ} (hai mươi triệu đồng) hẹn chậm nhất ngày 26/11/2023 anh Đ trả đầy đủ tiền gốc và lãi cho anh H, chị V; ngày 21/9/2023 anh Đ vay của anh Lê Minh H (chồng chị V) số tiền 9.000.000^{đ} (chín triệu đồng) thông qua chuyển khoản và 1.000.000^{đ} (một

triệu đồng) tiền mặt anh H đưa tay cho anh Đ hai bên không viết giấy tờ gì. Toàn bộ số tiền này là tài sản chung của vợ chồng chị V, anh H trong thời kỳ hôn nhân.

Sau khi vay số tiền trên đến ngày 01/9/2024 anh Đ đã trả chị V, anh H 2.100.000đ tiền lãi, còn chưa trả đồng tiền gốc nào nên chị V làm đơn khởi kiện yêu cầu anh Đ phải trả số tiền là 69.000.000đ bao gồm 60.000.000đ tiền nợ gốc và 9.000.000đ tiền nợ lãi tính đến ngày 20/6/2024.

Tại biên bản kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 24/02/2025 nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 20.000.000đồng theo giấy vay nợ ngày 26/8/2023 và số tiền 1.000.000đồng tiền mặt. Chị V đề nghị Tòa án buộc anh Phạm Quyết Đ trả tổng số tiền gốc 39.000.000đồng, bao gồm 30.000.000đồng tiền gốc theo giấy vay mượn tiền ngày 30/5/2023 và 9.000.000đồng tiền gốc chuyển vào tài khoản cho anh Đ theo số tài khoản 225197988888 tại Ngân hàng M và yêu cầu anh Đ trả lãi đối với khoản vay 30.000.000đồng theo mức lãi suất 10%/năm, thời gian tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm; còn đối với khoản vay số tiền 9.000.000đồng không yêu cầu anh Đ trả lãi.

2. Quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Quyết Đ không tham gia các buổi hòa giải do Tòa án tổ chức, tuy nhiên anh Đ có bản tự khai ngày 08/01/2025 thừa nhận nội dung ngày 30/5/2023 anh Đ có vay của chị V, anh H số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), lãi suất 3%/tháng, hai bên ký giấy vay mượn tiền và hẹn chậm nhất ngày 30/8/2023 trả gốc và lãi, anh Đ đã trả lãi khoản vay này còn tiền gốc chưa trả; ngày 21/9/2023 anh Đ vay của anh H số tiền 9.000.000đồng anh H chuyển khoản cho anh Đ. Do vậy đến nay anh Đ xác nhận còn nợ chị V, anh H số tiền gốc là 39.000.000đồng, số tiền này anh Đ vay để tiêu dùng cá nhân không liên quan đến gia đình; còn số tiền 20.000.000đồng theo giấy vay mượn tiền ngày 26/8/2023 và số tiền 1.000.000đồng tiền mặt theo chị V nói anh H đưa tay cho anh Đ vay thì anh Đ không thừa nhận vay hai khoản tiền này.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền còn nợ gốc là 39.000.000đ (ba mươi chín triệu đồng) và yêu cầu trả lãi 20%/năm đối với khoản nợ gốc 30.000.000đồng theo giấy vay mượn tiền ngày 30/5/2023, thời gian tính kể từ ngày 01/6/2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 25/4/2025, còn đối với số tiền nợ gốc 9.000.000đồng tiền chuyển khoản không yêu cầu bị đơn trả lãi.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến hay nội dung trình bày nào khác nội dung tại bản tự khai ngày 08/01/2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật trong vụ án: nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; hợp đồng được giao kết và thực hiện tại Đ, tỉnh Quảng Ninh nên nguyên đơn có quyền khởi kiện vụ án tại Tòa án nhân dân thành phố Đông Triều giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa: tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và người có nguyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án trên.

[1.3] Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lại Thị Hải V đối với số tiền 20.000.000^{đ} (hai mươi triệu đồng) theo giấy vay mượn tiền ngày 26/8/2023 và số tiền 1.000.000^{đ} (một triệu đồng) theo chị V trình bày là đưa tiền mặt, không có giấy tờ. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng Dân sự, anh Lê Minh H nhất trí, không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử chấp nhận phần yêu cầu đương sự xin rút này.

[2] Về nội dung tranh chấp: xét yêu cầu của chị V đề nghị Tòa án buộc anh Phạm Quyết Đ trả số tiền gốc 39.000.000đồng, bao gồm 30.000.000đồng theo giấy vay mượn tiền ngày 30/5/2023 và 9.000.000đồng chuyển vào tài khoản cho anh Đ theo số tài khoản 225197988888 tại Ngân hàng M và yêu cầu anh Đ trả lãi đối với khoản vay 30.000.000đồng theo mức lãi suất 20%/năm kể từ ngày 01/6/2023 đến hết ngày xét xử sơ thẩm; còn đối với khoản vay 9.000.000đồng không yêu cầu anh Đ trả lãi, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về khoản nợ gốc: các đương sự đều thừa nhận theo nội dung tại giấy vay mượn tiền ngày 30/5/2023 chị V cho anh Đ vay số tiền 30.000.000^{đ} (ba mươi triệu đồng) hẹn trả đầy đủ tiền gốc, tiền lãi chậm nhất vào ngày 30/8/2023; ngày 21/9/2023 anh Lê Minh H chuyển khoản cho anh Đ vay số tiền 9.000.000^{đ} (chín triệu đồng) theo sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ/báo có ngày 13/01/2025 của ngân hàng TMCP Q chi nhánh thành phố U phòng Q. Vì vậy đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên đủ căn cứ xác định anh Phạm Quyết Đ vay của vợ chồng chị Lại Thị Hải V, anh Lê Minh H số tiền 39.000.000^{đ} theo giấy vay mượn tiền ngày 30/5/2023 và sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ/báo có ngày 13/01/2025 của phòng Q.

[2.2] Về tiền lãi và lãi chậm trả: các đương sự đều thừa nhận theo nội dung tại giấy vay mượn tiền ngày 30/5/2023 lãi suất thỏa thuận 3%/tháng; quá trình giải quyết chị V yêu cầu anh Đ trả lãi đối với khoản nợ gốc 30.000.000đồng là 10%/năm, thời gian tính từ ngày 01/01/2024 đến thời điểm xét xử sơ thẩm, tại phiên tòa chị V thay đổi và đề nghị Tòa án áp dụng mức lãi suất 20%/năm đối với khoản vay 30.000.000đồng của anh Đ, thời gian tính kể từ ngày 01/6/2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 25/4/2025. Căn cứ giấy vay mượn tiền ngày 30/5/2023; các điểm a,c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của

pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì nội dung chị V yêu cầu thay đổi không vượt quá phạm vi khởi kiện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Cụ thể lãi trên nợ gốc trong hạn là 20%/năm tính kể từ ngày 01/6/2023 đến ngày 30/8/2023 và lãi trên nợ gốc chậm trả là 20%/năm tính kể từ ngày 31/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/4/2025 như vậy số tiền lãi chị V yêu cầu anh Đ phải trả là: 30.000.000đồng x 20% : 365 ngày x 695 ngày = 11.424.658đồng (mười một triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng) được trừ đi số tiền lãi 2.100.000đồng anh Đ đã trả chị V ngày 01/9/2024 nên số tiền lãi còn lại anh Đ phải trả chị V, anh H là 9.324.658đồng.

[4] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1, 2 Điều 244; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 33 luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí của Uỷ ban thường vụ quốc hội; các điểm a,c khoản 2 Điều 5; điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu chị Lại Thị Hải V đã rút đối với số tiền 20.000.000^{đ} (hai mươi triệu đồng) theo giấy vay mượn tiền ngày ngày 26/8/2023 và số tiền 1.000.000^{đ} (một triệu đồng) tiền mặt theo lời trình bày của chị V là anh H đưa tay cho anh Đ vay.

Hậu quả của việc đình chỉ là chị V có quyền khởi kiện lại yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền 20.000.000^{đ} (hai mươi triệu đồng) theo giấy vay mượn tiền ngày ngày 26/8/2023 và số tiền 1.000.000^{đ} (một triệu đồng) tiền mặt theo lời trình bày của chị V là anh H đưa tay cho anh Đ vay.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lại Thị Hải V đối với bị đơn anh Phạm Quyết Đ.

Buộc anh Phạm Quyết Đ phải có nghĩa vụ trả cho chị Lại Thị Hải V và anh Lê Minh H tổng số tiền 48.324.658^{đ} (bốn mươi tám triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng) trong đó nợ gốc là 39.000.000^{đ} (ba mươi chín triệu đồng); lãi là 9.324.658^{đ} (chín triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án

xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: anh Phạm Quyết Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.416.233^{đ} (hai triệu bốn trăm mười sáu nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).

Chị Lại Thị Hải V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại chị V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.725.000^{đ} (một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003721 ngày 11/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Triều;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Đông Triều;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Mạnh Cường